



Mã nhận dạng 16077

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD504**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK	Văng						0012345678910	0123456789
2	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
3	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
4	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL			8	8	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
5	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
6	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
7	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			8	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
8	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL			8	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
9	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
10	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			8	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
11	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			8	8	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
12	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			8	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
13	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
14	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			8	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
15	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			8	8	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
16	20115007	VÕ THỊ HOÀNG ANH	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16077

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **001_DH19NL_01**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Số Tín Ch **2**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Phòng Thi **RD504**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20115051	VÕ NGỌC HÙNG	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
18	20115079	NGUYỄN QUỐC LONG	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
19	20115097	TRẦN QUANG TRỌNG NGUYỄN	DH20CB	Vắng						0012345678910	0123456789
20	20115197	ĐỖ ĐẠI HẢI	DH20CB			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
21	20115211	TRẦN GIA HUY	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
22	20115216	ĐÀM TRƯỜNG LÂN	DH20CB			8	7	4	5,3	0012345678910	0123456789
23	20115219	TRẦN THỊ MỸ LINH	DH20CB			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
24	20115220	TRẦN THỊ THÙY LINH	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16078

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **002_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
2	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
3	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
4	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
5	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
6	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
7	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
8	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
9	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
10	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
11	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
12	19138057	Trần Minh Nhựt	DH19TD			8	7	0	2,9	0012345678910	0123456789
13	20115119	LÊ KHÁNH TÂM	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
14	20115238	LIÊU THÚY NHÃ	DH20CB			8	7	7	7,1	0012345678910	0123456789
15	20115252	DƯƠNG MINH QUYẾT	DH20CB	Văn						0012345678910	0123456789
16	20115256	NGUYỄN TĂNG BẮNG TÂM	DH20CB			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16078

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **002_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15 Số sinh viên vắng 1

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16079

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **003_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
2	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
3	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL	Văng						0012345678910	0123456789
4	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
5	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
6	20115123	HỒ VĂN THẮNG	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
7	20115138	HỒ DUY THUẬN	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
8	20115257	LÊ THỊ HỒNG THẨM	DH20CB			8	7	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	20115262	MAI HỒNG THẢO	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
10	20115273	ĐƯỜNG TIỂU TIỀN	DH20CB			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
11	20115274	LÝ NGỌC THUY TRÂM	DH20CB			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
12	20115275	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	DH20CB			8	7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
13	20115277	TRƯƠNG THỊ NGỌC TRÂN	DH20CB			8	8	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
14	20115283	NGUYỄN ANH TUẬN	DH20CB			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
15	20115286	NGUYỄN THỊ THÚY VY	DH20CB			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
16	20115288	TRẦN NINH THÚY VY	DH20CB			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16079

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_01**

Tổ Thi **003_DH19NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **12/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20115302	NGUYỄN NGỌC TRUẦN THÀNH	DH20CB			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 46 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16080

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC			7	7	2	4,0	0012345678910	0123456789
3	17118017	Nguyễn Hải	DH17CK			8	7	3	4,7	0012345678910	0123456789
4	18118010	Nguyễn Hoàng	DH18CK			9	7	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
5	18118018	Nguyễn Võ Công	DH18CK	V						0012345678910	0123456789
6	18153006	Trần Hữu	DH18CD			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
7	18154027	Đình Quốc	DH18OT			9	8,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	19118007	Dương Gia	DH19CK			9	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
9	19118010	Lê Thái Thiên	DH19CK			8	7,5	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
10	19118011	Ngô Quốc	DH19CK			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
11	19118016	Nguyễn Văn	DH19CC			4	7,5	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
12	19118019	Lê Minh	DH19CK			7	7,5	8	7,8	0012345678910	0123456789
13	19118022	Đặng Mai	DH19CK			8	8,5	3	5,2	0012345678910	0123456789
14	19118029	Nguyễn Hữu	DH19CK			7	8	8	7,9	0012345678910	0123456789
15	19118034	Nguyễn Công	DH19CK			4	7,5	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
16	19118042	Trần Hữu	DH19CK			8	8,5	0,5	3,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16080

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **001_DH19CK_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			8	8,5	1,5	4,3	0012345678910	0123456789
18	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK			9	7,5	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
19	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			8	8	0	3,2	0012345678910	0123456789
20	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
21	19137007	Nguyễn Vương Chiên	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
22	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL			7	8	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
23	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
24	19153019	Bùi Anh Hiếu	DH19CD	✓						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 Đieu

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Đieu
Trần Thị Kim Nga

Cao Đức Lợi

Đieu
Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 16081

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **002_DH19CK_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			8	7	6	6,5	0012345678910	0123456789
2	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
3	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			7	7,5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
4	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			7	9	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
5	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			9	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
6	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			4	8	6	6,4	0012345678910	0123456789
7	18154041	Nguyễn Minh Hưng	DH18OT			9	8,5	1	4,1	0012345678910	0123456789
8	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			9	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
9	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			8	8,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
10	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			7	7,5	7	7,2	0012345678910	0123456789
11	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			7	8	6	6,7	0012345678910	0123456789
12	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			8	8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
13	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			9	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
14	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK	V						0012345678910	0123456789
15	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
16	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16081

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **002_DH19CK_01**

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
18	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
19	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			7	7,5	5	6,0	0012345678910	0123456789
20	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC			9	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
21	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL			9	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
22	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
23	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
24	19137038	Phạm Đình Khởi	DH19NL			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Hiến

Lê Quang Trí

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 16082

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **003_DH19CK_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD105**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	DH17CK		8	7,5	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
2	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK		8	7	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
3	18118109	Nguyễn Huỳnh	Phúc	DH18CK		8	7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
4	19118147	Hoàng Phương	Nam	DH19CK		9	7,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
5	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	DH19CK		8	8,5	7	7,6	0012345678910	0123456789
6	19118149	Lâm Nhật	Nam	DH19CK		9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
7	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC		9	8	4,5	6,0	0012345678910	0123456789
8	19118151	Trần Duy Nhật	Nam	DH19CK		8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
9	19118158	Lê Hoàng Minh	Ngọc	DH19CK		0	7,5	1,5	3,2	0012345678910	0123456789
10	19118167	Phạm Thế	Nhật	DH19CK		7	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
11	19118168	Thân Văn	Nhớ	DH19CK		9	7,5	7	7,4	0012345678910	0123456789
12	19118171	Trần Trường	Phát	DH19CK		8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
13	19118183	Phạm Công	Phương	DH19CK		9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
14	19118184	Phạm Minh	Phương	DH19CK		9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
15	19118187	Trương Quang	Quân	DH19CK		8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
16	19118189	Lê Vinh	Quang	DH19CK		8	7,5	6,5	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16082

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **003_DH19CK_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD105**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			9	8	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
18	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
19	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 19 Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Đăng Khoa Lê Quang Vinh

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 16083

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Nhóm Thi DH19CK_01

Tổ Thi 004_DH19CK_01

Ngày Thi 17/01/2022

Giờ Thi 12:15

Số Tín Ch 2

Tên CBGD Trần Thị Kim Nga

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	✓						● 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15118128	Hoàng Trung	DH15CC			4	7,5	5	5,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17118133	Phùng Văn Quốc	DH17CC			7	9	3	5,2	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118140	Nguyễn Ngọc	DH18CK			8	8	5	6,2	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18138097	Phan Bá	DH18TD	✓						● 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19118212	Trần Quốc	DH19CK			7	8	7	7,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19118214	Lê Ngọc	DH19CK			9	8	8	8,1	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19118216	Nguyễn Tiến	DH19CK			8	8	7,5	7,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19118232	Ngô Kế Minh	DH19CK			8	8	6	6,8	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19118241	Trần Hữu	DH19CK			9	8	8	8,1	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19118242	Phan Đặng Hoài	DH19CK			8	8,5	1,5	4,3	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19118252	Nguyễn Trần Minh	DH19CK			9	7,5	4,5	5,9	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19118257	Trương Minh	DH19CK			8	8,5	1	4,0	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19118271	Phạm Bá	DH19CK			8	7,5	8	7,9	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19118272	Nguyễn Quốc	DH19CK			7	8	6	6,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19118274	Tăng Quốc	DH19CK			9	8,5	7	7,7	○ 0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16083

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CK_01**

Tổ Thi **004_DH19CK_01**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			9	7,5	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
18	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
19	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
20	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL	✓						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng ...03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____ Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Tân Phúc

Nguyễn Nam Quyền

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 16084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_02**

Tổ Thi **001_DH19NL_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT			10	9	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
2	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			8	7,5	6	6,8	0012345678910	0123456789
3	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			8	8	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
4	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
5	19118025	Diệp Kiên Cường	DH19CK			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
6	19118030	Chê Nguyễn Văn Danh	DH19CK			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
7	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			8	8	9	8,6	0012345678910	0123456789
8	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			9	7,5	10	9,2	0012345678910	0123456789
9	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
10	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK	V						0012345678910	0123456789
11	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
12	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL			9	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
13	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL			8	7	5,5	6,2	0012345678910	0123456789
14	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
15	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
16	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16084

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Kỹ thuật điện tử(207110)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_02

Tổ Thi

001_DH19NL_02

Tên CBGD

Trần Thị Kim Nga

Ngày Thi 17/01/2022

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
18	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL			8	8	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
19	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL			8	8,5	4	5,8	0012345678910	0123456789
20	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL			8	8,5	5	6,4	0012345678910	0123456789
21	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL			9	8,5	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
22	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL			9	8	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
23	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL			8	8	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
24	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch Nguyễn Văn Linh

Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga

Ngày in : 22/02/2022



Mã nhận dạng 16085

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_02**

Tổ Thi **002_DH19NL_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			4	8	5	5,8	0012345678910	0123456789
2	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			4	8	0	2,8	0012345678910	0123456789
3	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			7	8	5	6,1	0012345678910	0123456789
4	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
5	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
6	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
7	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL			8	8	0,5	3,5	0012345678910	0123456789
8	19137042	Bùi Thị Yến	DH19NL			9	8	8	8,1	0012345678910	0123456789
9	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
10	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			9	8	6	6,9	0012345678910	0123456789
11	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL			7	8	3	4,9	0012345678910	0123456789
12	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL			8	8	5	6,2	0012345678910	0123456789
13	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			8	8	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
14	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL			4	8	4	5,2	0012345678910	0123456789
15	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			9	8	5	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16085

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_02**

Tổ Thi **002_DH19NL_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Ngà**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Phan Minh Hiếu Phạm Duy Lâm

Trần Thị Kim Ngà

Trần Thị Kim Ngà



Mã nhận dạng 16086

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19NL_02**

Tổ Thi **003_DH19NL_02**

Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**

Ngày Thi **17/01/2022**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **RD101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			9	8	4	5,7	0012345678910	0123456789
2	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
3	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			9	7	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
4	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL			8	8	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
5	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
6	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			9	8	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
7	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL			8	8	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
8	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			9	8	3,5	5,4	0012345678910	0123456789
9	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			9	8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
10	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			8	8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
11	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL			9	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
12	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL			9	8	7	7,5	0012345678910	0123456789
13	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			8	8	4	5,6	0012345678910	0123456789
14	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			9	8	10	9,3	0012345678910	0123456789
15	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			9	8	3,5	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16086

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật điện tử(207110)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19NL_02** Tổ Thi **003_DH19NL_02** Tên CBGD **Trần Thị Kim Nga**
Ngày Thi **17/01/2022** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **RD101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 1. Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 leu

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Thanh Nghi Lê Văn Tuấn

leu
Trần Thị Kim Nga

Trần Thị Kim Nga



Mã nhận dạng 16087

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI_01**

Tổ Thi **001_TINCHI_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

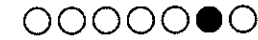
Ngày Thi **13/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD						4.0	0012345678910	0123456789
2	16115084	Trần Bá Thái Lâm	DH16GN						6.5	0012345678910	0123456789
3	16115214	Trần Thị Trúc Giang	DH16GN						8.0	0012345678910	0123456789
4	16154040	Nguyễn Kim Hoàng	DH16OT						9.0	0012345678910	0123456789
5	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK						5.0	0012345678910	0123456789
6	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC						9.5	0012345678910	0123456789
7	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL						8.0	0012345678910	0123456789
8	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL						7.5	0012345678910	0123456789
9	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL						7.0	0012345678910	0123456789
10	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL						7.5	0012345678910	0123456789
11	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL						8.0	0012345678910	0123456789
12	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT						6.0	0012345678910	0123456789
13	17154028	Phạm Từ Hùng Hiếu	DH17OT						va 8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16087

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI_01**

Tổ Thi **001_TINCHI_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng
Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Ngô Hải Hòa

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI_01**

Tổ Thi **002_TINCHI_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD105**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK						5.5	0012345678910	0123456789
2	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD						4.0	0012345678910	0123456789
3	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL						5.5	0012345678910	0123456789
4	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						9.0	0012345678910	0123456789
5	17115074	Trần Quốc Nhân	DH17CB						4.5	0012345678910	0123456789
6	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK						6.5	0012345678910	0123456789
7	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK						6.0	0012345678910	0123456789
8	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC						8.5	0012345678910	0123456789
9	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK						6.0	0012345678910	0123456789
10	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK						6.0	0012345678910	0123456789
11	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK						4.5	0012345678910	0123456789
12	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC						7.0	0012345678910	0123456789
13	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL						6.5	0012345678910	0123456789
14	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL						8.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16088

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **TINCHI_01**

Tổ Thi **002_TINCHI_01**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD105**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14. Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng T Kiên Hùng

Ng Nam Duyên

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 16091

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi 001_DH17CC_01

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT				2	7.5	9.5	0012345678910	0123456789
2	17154015	Hồ Thanh Điền	DH17OT				1.6	6.4	8.0	0012345678910	0123456789
3	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT				1.9	6.4	8.3	0012345678910	0123456789
4	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT				1.5	6.8	8.3	0012345678910	0123456789
5	17154081	Phạm Trương Hồng Sơn	DH17OT				1.8	6.4	8.2	0012345678910	0123456789
6	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT				1.9	6.4	8.3	0012345678910	0123456789
7	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT				1.9	4.8	6.7	0012345678910	0123456789
8	17154107	Nguyễn Văn Toàn	DH17OT				1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 16092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cơ học kỹ thuật(207130)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_02**

Tổ Thi **001_DH17CK_02**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD503**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK				2	6.6	8.6	0012345678910	0123456789
2	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK				0.7	6.4	7.1	0012345678910	0123456789
3	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			0.4	2	7.6	10.0	0012345678910	0123456789
4	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
5	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK				2	8	10.0	0012345678910	0123456789
6	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			1	1.7	5.4	8.1	0012345678910	0123456789
7	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK				1.6	—	—	0012345678910	0123456789
8	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK				2	7.6	9.6	0012345678910	0123456789
9	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK			1	2	4.5	7.5	0012345678910	0123456789
10	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK				2	7.6	9.6	0012345678910	0123456789
11	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
12	17118046	Trần Khải	DH17CK				2	8	10.0	0012345678910	0123456789
13	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK				2	7.2	9.2	0012345678910	0123456789
14	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK				2	8	10.0	0012345678910	0123456789
15	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK				2	4.5	6.5	0012345678910	0123456789
16	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK				2	6.2	8.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16092

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi 001_DH17CK_02

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD503

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118059	Nguyễn Hoàng Yên	Mi	DH17CK			2	7.5	9.5	0012345678910	0123456789
18	17154028	Phạm Tử Hùng	Hiếu	DH17OT			/	/	/	0012345678910	0123456789
19	17154039	Phạm Hoàng	Khang	DH17OT			2	6.5	8.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 1... Số sinh viên vắng 1...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Phương Thảo

Nguyễn Nam Nguyên

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi 002_DH17CK_02

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK				2	6	8.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK				2	7.5	9.5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK				2	6.6	8.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK				2	7	9.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK				2	7	9.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK				2	/	/	● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK				1.3	7	8.3	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK				2	7.2	9.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK				2	6.5	8.5	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK				2	4.8	6.8	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK				2	7	9.0	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK				2	6.2	8.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17118107	Bà Duy Thịnh	DH17CK				2	7.6	9.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK				2	6.6	8.6	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC				2	3.2	5.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17118115	Trần Nhật Tiên	DH17CK				2	6.2	8.2	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16093

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CK_02

Tổ Thi 002_DH17CK_02

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK				1.9	6.2	8.1	0012345678910	0123456789
18	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK				2	5.8	7.8	0012345678910	0123456789
19	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK				2	7.6	9.6	0012345678910	0123456789
20	17154067	Nguyễn Văn Nhật	DH17OT				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 19. Số sinh viên vắng 1.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Nhật

Nguyễn Văn Nhật

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16094

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 001_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK				/	/	/	0012345678910	0123456789
2	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC				1.5	6.8	8.3	0012345678910	0123456789
4	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC				1.5	6	7.5	0012345678910	0123456789
5	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC				0.5	/	/	0012345678910	0123456789
6	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK				1.5	7	8.5	0012345678910	0123456789
7	17154002	Lê Bảo Anh	DH17OT				2.0	7.6	9.6	0012345678910	0123456789
8	17154004	Nguyễn Ngọc Đoan	DH17OT				1.5	7.6	9.1	0012345678910	0123456789
9	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT				1.9	7.6	9.5	0012345678910	0123456789
10	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh Châu	DH17OT				1.5	7.2	8.7	0012345678910	0123456789
11	17154009	Nguyễn Thành Công	DH17OT				1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
12	17154012	Nguyễn Quân Đạt	DH17OT				1.4	7.4	8.8	0012345678910	0123456789
13	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT				2	7	9.0	0012345678910	0123456789
14	17154016	Nguyễn Khoa Diên	DH17OT				1.9	7.6	9.5	0012345678910	0123456789
15	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT				2	7.2	9.2	0012345678910	0123456789
16	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT				1.5	7	8.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16094

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 001_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154022	Đình Nguyễn Đình Duy	DH17OT				1.0	/	/	0012345678910	0123456789
18	17154024	Phạm Văn Giàu	DH17OT				1.8	7	8.8	0012345678910	0123456789
19	17154029	Phan Thanh Hiếu	DH17OT				1.5	7.6	9.1	0012345678910	0123456789
20	17154032	Lê Huy Hoàng	DH17OT				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
21	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			05	1.9	6.6	9.0	0012345678910	0123456789
22	17154036	Hà Quang Huy	DH17OT				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
23	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT				2	6.5	8.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 20. Số sinh viên vắng 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Văn Hiến

Trần Văn Quân

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16095

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 002_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK				1.8	6	7.8	0012345678910	0123456789
2	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC				1.3	4	5.3	0012345678910	0123456789
3	16154054	Nguyễn Trung Kiên	DH16OT				1.5	5.6	7.1	0012345678910	0123456789
4	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC				1.5	4.2	5.7	0012345678910	0123456789
5	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
6	17118073	Nguyễn Minh Nhật	DH17CC				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
7	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC				1.6	5.4	7.0	0012345678910	0123456789
8	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT				1.4	5.8	7.2	0012345678910	0123456789
9	17154041	Nguyễn Duy Khánh	DH17OT				1.6	4.4	6.0	0012345678910	0123456789
10	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT				2	4.8	6.8	0012345678910	0123456789
11	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT				2	7	9.0	0012345678910	0123456789
12	17154046	Trần Duy Khoa	DH17OT				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
13	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT				1.8	6.4	8.2	0012345678910	0123456789
14	17154053	Phan Tấn Lộc	DH17OT				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
15	17154056	Nguyễn Văn Mạnh	DH17OT				1.8	7.2	9.0	0012345678910	0123456789
16	17154058	Phạm Sĩ Nguyên	DH17OT				2	6.5	8.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16095

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 002_DH17OT_04

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Số Tin Ch 2

Tên CBGD Trương Quang Trường

Phòng Thi RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17154060	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DH17OT			1.9	7.6	9.5	0012345678910	0123456789
18	17154061	Phan Thị Hoài	Nhã	DH17OT			1.5	7.2	8.7	0012345678910	0123456789
19	17154062	Hồ Tấn	Nhân	DH17OT			1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
20	17154063	Lê Hoài	Nhân	DH17OT			2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
21	17154064	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT			1.5	6.8	8.3	0012345678910	0123456789
22	17154066	Đinh Xuân	Nhật	DH17OT			1.9	6.4	8.3	0012345678910	0123456789
23	17154072	Trần Thanh	Phúc	DH17OT			2	6	8.0	0012345678910	0123456789
24	17154074	Đỗ Trung	Quân	DH17OT			1.9	5.6	7.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 24. Số sinh viên vắng: 0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng. Thanh Phong

Ng. Ánh Khoa

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 003_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD501

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17113179	Trịnh Xuân Tâm	DH17OT				1	7.6	8.6	0012345678910	0123456789
2	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK				1.5	4.6	6.1	0012345678910	0123456789
3	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC				1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
4	17154078	Lê Thanh Sơn	DH17OT				1.6	7.4	9.0	0012345678910	0123456789
5	17154079	Nguyễn Hồng Sơn	DH17OT				2	6.6	8.6	0012345678910	0123456789
6	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT				2	7	9.0	0012345678910	0123456789
7	17154082	Võ Hoàng Sơn	DH17OT				1.8	5.2	7.0	0012345678910	0123456789
8	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT				2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
9	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT				1.9	6.4	8.3	0012345678910	0123456789
10	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT				1.0	/	/	0012345678910	0123456789
11	17154092	Dương Hữu Thành	DH17OT				1.9	6.6	8.5	0012345678910	0123456789
12	17154093	Ngân Văn Thành	DH17OT				1.5	5.2	6.7	0012345678910	0123456789
13	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT				2	7	9.0	0012345678910	0123456789
14	17154098	Trần Đình Thông	DH17OT				2	6.5	8.5	0012345678910	0123456789
15	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT				1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
16	17154916	Tất Vĩnh Thành	DH17OT				1	6.6	7.6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16096

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 003_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD501

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng 1....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Lê Quang Vinh

Cán bộ coi thi 2

Lê Quang Trí

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 1

Trương Quang Trường

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 16097

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 004_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118114	Bùi Minh	Thượng	DH17CC			1.5	4.8	6.3	0012345678910	0123456789
2	17118116	Hồ Đoàn Minh	Tiền	DH17CC			1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
3	17118123	Huỳnh Hữu	Trọng	DH17CC			1.5	4	5.5	0012345678910	0123456789
4	17118126	Nguyễn Thành	Trung	DH17CC			2	2	4.0	0012345678910	0123456789
5	17118135	Đàng Năng San	U	DH17CC			1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
6	17118145	Trần Văn Thanh	Xuân	DH17CC			1	4.8	5.8	0012345678910	0123456789
7	17154103	Nguyễn Quang	Tiến	DH17OT			1	6.8	7.8	0012345678910	0123456789
8	17154104	Nguyễn Võ Minh	Tiến	DH17OT			2	6.8	8.8	0012345678910	0123456789
9	17154105	Nguyễn Trung	Tín	DH17OT			2	7.6	9.6	0012345678910	0123456789
10	17154110	Lê Thị Thảo	Trình	DH17OT			1.9	6.8	8.7	0012345678910	0123456789
11	17154113	Võ Thương	Trường	DH17OT			2	4.5	6.5	0012345678910	0123456789
12	17154116	Nguyễn Anh	Tuấn	DH17OT			1.9	6.6	8.5	0012345678910	0123456789
13	17154117	Phan Anh	Tuấn	DH17OT			2	6	8.0	0012345678910	0123456789
14	17154120	Nguyễn Thành	Vinh	DH17OT			1.5	6.8	8.3	0012345678910	0123456789
15	17154122	Đặng Bá	Vũ	DH17OT			1.4	6.4	7.8	0012345678910	0123456789
16	17154123	Lý Hoàng	Vũ	DH17OT			1	6	7.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16097

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ học kỹ thuật(207130)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17OT_04

Tổ Thi 004_DH17OT_04

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng 6

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô Văn Lan

Ngô Văn Tuấn Anh

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16099

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Vật liệu kỹ thuật(207136)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CKC_01**

Tổ Thi **001_DH19CKC_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **08/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi

PV337

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
2	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	19118295	Huỳnh Tấn HỌc	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
5	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
7	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
9	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
10	19118304	Phan Sáng	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
12	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC					8,0	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16099

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Vật liệu kỹ thuật(207136)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 08/02/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi

PV337

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trương Công Tiến
Lê Quang Hải



Mã nhận dạng 16100

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi

001_DH20CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 07/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

PV400A

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
2	20153003	NGUYỄN KHÁNH BÌNH	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	20153016	ĐỖ MINH KHOA	DH20CD							0012345678910	0123456789
4	20153031	VŨ ĐÌNH TÂN	DH20CD							0012345678910	0123456789
5	20153042	PHẠM NHẬT UY	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
6	20153056	TRẦN HUỖNH QUỐC BẢO	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
7	20153057	VƯƠNG TRẦN GIA BẢO	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	20153059	LÊ TRƯỜNG CHINH	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
9	20153071	VŨ A ĐỨC	DH20CD							0012345678910	0123456789
10	20153078	VŨ MINH HIỀU	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	20153082	NGUYỄN THANH HƠN	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
12	20153092	NGUYỄN EM HOÀNG KHOA	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
13	20153106	LÊ THÀNH NHẬT	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
14	20153118	NGUYỄN VĂN TÂM	DH20CD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
15	20153123	NGUYỄN NHẬT THI	DH20CD							0012345678910	0123456789
16	20153125	HỒ VĂN THỊNH	DH20CD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16100

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ chế tạo máy(207137)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH20CD_01

Tổ Thi

001_DH20CD_01

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi 07/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

PV400A

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	20153126	TRẦN TRƯỞNG MINH	THÓNG	DH20CD				8,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	20153140	LÝ A	VINH	DH20CD						0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 13 Số sinh viên vắng 05

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trương Công Tiến

Lê Quang Hùng



Mã nhận dạng 16177

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CB_10**

Tổ Thi **001_DH19CB_10**

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Ngày Thi **13/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DH15CD				2.4	3.9	6.3	0012345678910	0123456789
2	17154018	Trần Thế Dư	DH17OT				3	/	/	0012345678910	0123456789
3	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC				3	6.7	9.7	0012345678910	0123456789
4	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC				2.7	6.1	8.8	0012345678910	0123456789
5	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
6	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			1	3	4	8.0	0012345678910	0123456789
7	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL				1.8	3.9	5.7	0012345678910	0123456789
8	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD				2.7	4.6	7.3	0012345678910	0123456789
9	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD				2.4	4.9	7.3	0012345678910	0123456789
10	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			1	3	4.5	8.5	0012345678910	0123456789
11	18154020	Nguyễn Quang Đạo	DH18OT				3	2.1	5.1	0012345678910	0123456789
12	18154051	Đinh Nhĩ Khang	DH18OT				3	4.7	7.7	0012345678910	0123456789
13	18154057	Đặng Nguyễn Minh Kiên	DH18OT				3	7	10.0	0012345678910	0123456789
14	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC				2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
15	19118041	K' Đông	DH19CC				3	2.8	5.8	0012345678910	0123456789
16	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC				3	2.5	5.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16177

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Nhóm Thi DH19CB_10

Tổ Thi

001_DH19CB_10

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi

14:00

Số Tín Ch 2

Tên CBGD

Trương Quang Trường

Phòng Thi

RD105

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC				1.9	4.6	6.5	0012345678910	0123456789
18	19118074	Ngô Minh Hoàng	DH19CC				2.7	1.8	4.5	0012345678910	0123456789
19	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC				2.7	4.9	7.6	0012345678910	0123456789
20	19118104	Nguyễn Chí KHải	DH19CC				2.7	2.8	5.5	0012345678910	0123456789
21	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK		Cấp 1					0012345678910	0123456789
22	19153017	Nguyễn Thanh Hải	DH19CD				2.7	6	8.7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 20 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Trường

Nguyễn Hữu Hòa

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16178

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CB_10

Tổ Thi 002_DH19CB_10

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 ± %	Đ2 ± %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			Cảm	thi	✓	✓	0012345678910	0123456789
2	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK				2.7	3.3	6.0	0012345678910	0123456789
3	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
4	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC				2.7	4.6	7.3	0012345678910	0123456789
5	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC				3	6	9.0	0012345678910	0123456789
6	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
7	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC				2.4	4.6	7.0	0012345678910	0123456789
8	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC				3	4.2	7.2	0012345678910	0123456789
9	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD				3	4	7.0	0012345678910	0123456789
10	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD				3	5	8.0	0012345678910	0123456789
11	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			0.5	3	4.6	8.1	0012345678910	0123456789
12	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC			1	1.8	2.2	5.0	0012345678910	0123456789
13	19130180	Lê Văn Quân	DH19CB			Cảm	thi	✓	✓	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16178

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH19CB_10** Tổ Thi **002_DH19CB_10** Tên CBGD **Trương Quang Trường**
Ngày Thi **13/02/2022** Giờ Thi **14:00** Phòng Thi **RD304**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 11. Số sinh viên vắng 2.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Ng T Phuong Thao

Phan Minh Hien

Xác nhận của Bộ môn/Khoa g

Truong Quang Truong

Cán Bộ Chấm Thi 1

g

Cán Bộ Chấm Thi 2

Truong Quang Truong



Mã nhận dạng 16179

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207148)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH19CB_10**

Tổ Thi **003_DH19CB_10**

Tên CBGD **Trương Quang Trường**

Ngày Thi **13/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	$\pm\%$	$\frac{Đ1}{Đ2}\%$	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			Cấm thi	/	/	/	0012345678910	0123456789
2	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD			Cấm thi	/	/	/	0012345678910	0123456789
3	16115248	Võ Thị Thanh	DH16GN			Cấm thi	/	/	/	0012345678910	0123456789
4	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	DH18CC				3	6.3	9.3	0012345678910	0123456789
5	18118171	Đặng Minh Tuấn	DH18CC				2.7	6	8.7	0012345678910	0123456789
6	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD				3	6	9.0	0012345678910	0123456789
7	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			0.9	3	5.6	9.5	0012345678910	0123456789
8	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC				3	3.5	6.5	0012345678910	0123456789
9	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC				1.8	/	/	0012345678910	0123456789
10	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC			0.5	1.8	2.8	5.1	0012345678910	0123456789
11	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC				1.5	3.2	4.7	0012345678910	0123456789
12	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC				2.7	3.3	6.0	0012345678910	0123456789
13	19164025	Nguyễn Thị Thanh Thảo	DH19CB				1.5	/	/	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16179

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Sức bền vật liệu(207148)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CB_10

Tổ Thi 003_DH19CB_10

Tên CBGD Trương Quang Trường

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngô T Kiên Hạnh
Ngô V Ngọc Thảo

Trương Quang Trường

Trương Quang Trường



Mã nhận dạng 16203

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nâng chuyên(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ %	Đ2 Đ %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			1,0	1,2	5,6	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
2	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			1,0	1,4	6,3	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
3	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			1,0	1,2	4,6	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
4	18118012	Tạ Đức Cao	DH18CC			0,9	1,2	4,9	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			1,0	1,2	4,6	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			1,0	1,2	3,5	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
7	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK			0,9	1,2	0,0	2,1	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			0,9	1,2	5,3	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18118023	Nguyễn Tấn Diễm	DH18CK			0,7	1,0	5,6	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			1,0	1,2	5,6	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			1,0	1,6	5,3	7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
12	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			1,0	1,6	5,3	7,9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
13	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			1,0	1,4	4,9	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			1,0	1,6	4,6	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			1,6	1,6	4,6	7,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1,0	1,4	4,2	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16203

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 001_DH18CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi TC	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			1,0	1,6	1,6	7,2	0012345678910	0123456789
18	18118055	Lê Minh	DH18CK			1,0	1,2	1,2	6,4	0012345678910	0123456789
19	18118058	Đào Đăng	DH18CC			1,0	1,0	1,9	6,9	0012345678910	0123456789
20	18118060	Trần Bá	DH18CK			1,0	1,6	1,6	7,2	0012345678910	0123456789
21	19118029	Nguyễn Hữu	DH19CK			1,0	1,8	1,8	7,0	0012345678910	0123456789
22	19118052	Văn Thành	DH19CK			1,0	1,4	1,2	6,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tuấn

Nguyễn Hữu Hòa

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16204

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nâng chuyên(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **002_DH18CK_01**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 1%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			1,0	1,4	4,9	6,6	0012345678910	0123456789
2	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
3	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			0,9	1,0	4,6	6,5	0012345678910	0123456789
4	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			0,9	1,0	4,6	6,5	0012345678910	0123456789
5	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			0,9	1,2	3,5	5,6	0012345678910	0123456789
6	18118077	Thét Chú Long	DH18CC			0,9	1,0	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
7	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
8	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
9	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
10	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			0,8	0,0	3,5	4,2	0012345678910	0123456789
11	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			1,0	1,0	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
12	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
13	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			1,0	1,4	6,3	8,7	0012345678910	0123456789
14	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			1,0	1,4	5,3	7,8	0012345678910	0123456789
15	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
16	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			1,0	1,0	4,6	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16204

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 002_DH18CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			1,0	1,0	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
18	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			0,9	1,4	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
19	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
20	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			1,0	0,8	4,2	6,0	0012345678910	0123456789
21	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			0,8	1,2	4,9	7,0	0012345678910	0123456789
22	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			1,0	4,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
23	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
24	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			1,0	1,2	6,0	8,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị P. Thảo

Nguyễn Văn Quyền

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16205

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nâng chuyên(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **003_DH18CK_01**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137072	Nguyễn Hoàng Anh	Trí	DH17NL		1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	18118135	Nguyễn Chí	Thành	DH18CK		1,0	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789
3	18118138	Đặng Đoàn Minh	Thi	DH18CK		1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
4	18118140	Nguyễn Ngọc	Thiện	DH18CK		1,0	1,0	4,4	6,9	0012345678910	0123456789
5	18118142	Nguyễn Quang	Thìn	DH18CK		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
6	18118144	Trần Phước	Thịnh	DH18CK		0,9	1,2	4,9	7,0	0012345678910	0123456789
7	18118145	Huỳnh Hữu	Thọ	DH18CK		1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
8	18118148	Đỗ Thành	Thu	DH18CK		1,0	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789
9	18118151	Bùi Minh	Tiến	DH18CK		1,0	1,4	0,0	2,4	0012345678910	0123456789
10	18118157	Trần Duy	Toàn	DH18CC		1,0	1,0	5,6	7,6	0012345678910	0123456789
11	18118158	Nguyễn Thành	Tôn	DH18CK		1,0	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789
12	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK		1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
13	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	DH18CC		0,9	1,2	5,3	7,4	0012345678910	0123456789
14	18118167	Phạm Tấn	Trung	DH18CK		1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
15	19118242	Phan Đặng Hoài	Tinh	DH19CK		1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16205

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 003_DH18CK_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thái Trung

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Mã nhân dạng 16206

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi 004_DH18CK_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi

RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi 30	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138060	Trương Tuấn	Tú	DH17TD		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
2	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	DH18CK		1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
3	18118171	Đặng Minh	Tuấn	DH18CC		1,0	1,0	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
4	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK		1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
5	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	DH18CK		1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
6	18118176	Tổng Văn	Tuấn	DH18CC		1,0	1,4	5,2	7,8	0012345678910	0123456789
7	18118179	Võ Thanh	Tùng	DH18CK		1,0	1,4	5,2	7,8	0012345678910	0123456789
8	18118180	Trần Văn	Tuyên	DH18CC		1,0	1,0	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
9	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên	DH18CK		1,0	1,4	4,4	7,2	0012345678910	0123456789
10	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK		1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
11	18118183	Nguyễn Hồ Phú	Vinh	DH18CC		1,0	1,2	4,8	7,4	0012345678910	0123456789
12	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK		0,9	1,4	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
13	18118186	Hoàng Long	Vũ	DH18CC		1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
14	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK		1,0	1,2	4,8	7,4	0012345678910	0123456789
15	19118274	Tăng Quốc	Việt	DH19CK		1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16206

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CK_01

Tổ Thi 004_DH18CK_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Minh Hiền Lê Văn Tuấn

Trưởng Bộ môn/Khoa

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16207

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nâng chuyển(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi **001_DH18TD_02**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138019	Lê Trương Công	Định	DH16TD		0,8	1,2	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
2	17118017	Nguyễn Hải	Đặng	DH17CK		1,0	1,4	0,0	2,4	0012345678910	0123456789
3	17138020	Trịnh Minh	Hiếu	DH17TD		1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
4	18138002	Vũ Hoài	Ân	DH18TD		1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
5	18138003	Nguyễn Tuấn	Anh	DH18TD		1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
6	18138013	Trần Quang	Đạt	DH18TD		0,8	1,4	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
7	18138015	Nguyễn Công	Đình	DH18TD		0,5	1,4	4,2	6,1	0012345678910	0123456789
8	18138016	Nguyễn Long Ngọc	Đình	DH18TD		1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
9	18138020	Đỗ Quốc	Duy	DH18TD		1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
10	18138021	Lê Thành	Duy	DH18TD		1,0	1,2	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
11	18138023	Trần Trường	Giang	DH18TD		1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
12	18138026	Phan Gia	Hiếu	DH18TD		1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
13	18138027	Vũ Minh	Hòa	DH18TD		1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
14	18138028	Trần Văn	Hoài	DH18TD		1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
15	18138029	Nguyễn Văn	Hoàng	DH18TD		1,0	1,2	6,0	8,2	0012345678910	0123456789
16	18138032	Chung Hiệp	Hưng	DH18TD		1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16207

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi 001_DH18TD_02

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi

RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			1,0	4,4	4,4	7,8	0012345678910	0123456789
18	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			1,0	1,4	5,2	7,7	0012345678910	0123456789
19	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			1,0	4,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
20	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			0,8	1,4	5,3	7,5	0012345678910	0123456789
21	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
22	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
23	19138005	Lê Thái Hoàng An Cát	DH19TD			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thái Hoàng

Nguyễn Đình Khoa

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16208

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi 002_DH18TD_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138039	Lê Quang	PHiếu	DH17TD		6,8	1,2	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
2	18138043	Nguyễn Duy	Khánh	DH18TD		1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
3	18138044	Đinh Trọng	Khôi	DH18TD		0,5	1,0	4,2	5,7	0012345678910	0123456789
4	18138046	Phạm Văn Tiểu	KỲ	DH18TD		1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
5	18138047	Lương Hoàng	Lâm	DH18TD		1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
6	18138048	Nguyễn Văn	Lâm	DH18TD		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
7	18138049	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DH18TD		0,8	1,4	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
8	18138050	Hứa Phước	Lợi	DH18TD		1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
9	18138051	Đặng Hoàng	Long	DH18TD		0,8	1,2	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
10	18138052	Hồ Thanh	Long	DH18TD		1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
11	18138054	Sơ Tấn	Lũy	DH18TD		1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
12	18138056	Trần Trung	MỸ	DH18TD		1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
13	18138057	Trịnh Hữu	Nghĩa	DH18TD		0,8	1,4	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
14	18138059	Nguyễn Phúc	Nguyên	DH18TD		1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
15	18138060	Lương Thanh	Nhân	DH18TD		1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
16	18138062	Trần	Phát	DH18TD		0,8	1,4	5,6	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16208

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi 002_DH18TD_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
18	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
19	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			1,0	1,4	4,4	7,2	0012345678910	0123456789
20	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
21	19138064	Vũ Đức Phương	DH19TD			1,0	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 01 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Quang Vinh

Lê Quang Trí

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16209

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nâng chuyên(207217)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_02**

Tổ Thi **003_DH18TD_02**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **21/01/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD406**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			0,8	1,4	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
2	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
3	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
4	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			1,0	1,2	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
5	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD			1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
6	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
7	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			1,0	1,4	4,4	7,3	0012345678910	0123456789
8	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
9	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
10	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
11	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			1,0	1,4	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
12	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
13	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
14	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			1,0	1,4	3,9	6,2	0012345678910	0123456789
15	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			0,8	1,2	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
16	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD			1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16209

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18TD_02

Tổ Thi 003_DH18TD_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 21/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD			0,6	0,0	0,0	0,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			1,0	1,4	3,5	5,9	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			1,0	1,4	4,6	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			0,8	1,4	3,5	5,7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19138074	Nguyễn Tuấn Thành	DH19TD			1,0	1,4	4,2	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Lợi

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Trưởng Quang Tuấn

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16213

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **10/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD105**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi 10	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC		0	0,8	1,8	0,0	2,6	0010345678910	0123456789
2	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			1,0	1,6	1,2	6,8	0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			0,9	1,6	5,2	7,8	0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			1,0	1,6	6,7	9,3	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
7	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
8	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
9	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC			1,0	1,6	6,0	8,6	0012345678910	0123456789
10	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			0,8	1,4	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
11	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			1,0	1,4	4,6	7,3	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			0,9	1,4	6,7	9,0	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			0,8	1,4	5,6	7,8	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			0,8	1,4	6,3	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16213

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 10/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD105

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 11 Số sinh viên vắng 01

Ngày 10 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

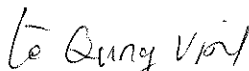
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trần Văn Tuấn


Lê Quang Vinh


Trưởng Đoàn Trưởng


Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16219

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ và thiết bị chế biến lúa gạo(2072.38

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			6,6		✓		0012345678910	0123456789
2	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			7,1		3,5	5,3	0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			6,6		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			7,0		6,25	7,0	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			7,3		5,0	6,1	0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			4,8		7,5	6,1	0012345678910	0123456789
7	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			7,5		3,5	5,5	0012345678910	0123456789
8	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			6,6		5,0	5,8	0012345678910	0123456789
9	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC			8,7		3,5	6,1	0012345678910	0123456789
10	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			7,8		5,0	6,4	0012345678910	0123456789
11	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			6,8		4,0	5,4	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			7,8		5,0	6,4	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			6,8		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			6,5		3,5	5,0	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			7,7		4,5	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16219

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ và thiết bị chế biến lúa gạo(2072.38

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 11 Số sinh viên vắng 1

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hay

Nguyễn Hay



Mã nhận dạng 16233

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi** (208247)
Nhóm Thi **DH18CC_01** Tổ Thi **001_DH18CC_01**
Ngày Thi **10/02/2022** Giờ Thi **08:00**

Số Tín Ch **3**
Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**
Phòng Thi **RD504**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			1,0	2,0	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
2	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			0,8	1,1	3,6	5,5	0012345678910	0123456789
3	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC			1,0	1,6	5,4	8,0	0012345678910	0123456789
4	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			1,0	1,7	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
5	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC			1,0	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
6	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC			1,0	1,5	5,1	7,6	0012345678910	0123456789
7	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC			1,0	1,5	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC			0,9	1,6	3,6	6,1	0012345678910	0123456789
9	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
10	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC			1,0	1,7	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
11	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC			0,9	1,4	4,8	7,1	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC			0,9	1,4	3,6	6,4	0012345678910	0123456789
13	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
14	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC			0,8	1,6	4,2	6,5	0012345678910	0123456789
15	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC			1,0	0,5	4,2	5,7	0012345678910	0123456789
16	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC			0,8	1,7	4,2	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16233

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi 208248
Nhóm Thi DH18CC_01 Tổ Thi 001_DH18CC_01
Ngày Thi 10/02/2022 Giờ Thi 08:00

Số Tin Ch 3
Tên CBGD Trần Văn Tuấn
Phòng Thi RD504

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC			1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
18	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC			1,0	2,0	5,4	8,4	0012345678910	0123456789
19	18118077	Thết Chủ Long	DH18CC			1,0	1,6	4,5	7,1	0012345678910	0123456789
20	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			1,0	1,2	4,8	7,0	0012345678910	0123456789
21	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC			1,0	2,2	5,4	8,6	0012345678910	0123456789
22	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			1,0	1,9	3,6	6,5	0012345678910	0123456789
23	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			1,0	1,3	4,5	6,8	0012345678910	0123456789
24	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			1,0	1,5	4,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thái Phay Lê Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16234

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208248

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 002_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 10/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC			1,0	1,4	2,6	6,0	0012345678910	0123456789
2	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
3	17118075	Thạch Dương Phát	DH17CC			0,9	2,3	5,4	8,6	0012345678910	0123456789
4	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			0,9	1,1	1,2	6,2	0012345678910	0123456789
5	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			1,0	1,7	5,1	7,8	0012345678910	0123456789
6	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			0,9	2,1	9,6	6,6	0012345678910	0123456789
7	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			0,9	2,0	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
8	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC			1,0	1,7	5,4	8,1	0012345678910	0123456789
9	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			1,0	1,6	5,1	7,2	0012345678910	0123456789
10	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			1,0	1,6	4,8	7,4	0012345678910	0123456789
11	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			0,9	1,7	5,4	8,0	0012345678910	0123456789
12	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC			1,0	2,3	5,1	8,4	0012345678910	0123456789
13	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1,0	1,3	4,8	7,1	0012345678910	0123456789
14	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			1,0	2,0	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
15	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			1,0	1,7	5,1	7,8	0012345678910	0123456789
16	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			1,0	1,8	5,1	7,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16234

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi** (207247) Số Tín Ch 3
 Nhóm Thi **DH18CC_01** Tổ Thi **002_DH18CC_01** Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**
 Ngày Thi **10/02/2022** Giờ Thi **08:00** Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			10	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
18	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC			10	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Lợi

Nguyễn Nam Quyên

Trần Văn Tuấn

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16235

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208248

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 003_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 10/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			1,0	2,0	4,8	7,8	0012345678910	0123456789
2	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			0,9	2,3	4,8	8,0	0012345678910	0123456789
3	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			0,9	0,7	4,8	6,4	0012345678910	0123456789
4	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC			0,9	1,7	5,1	7,7	0012345678910	0123456789
5	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			1,0	2,0	5,1	8,1	0012345678910	0123456789
6	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC			0,8	0,0	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
7	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			0,8	2,0	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
8	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			0,8	1,2	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
9	18118155	Nguyễn Phát Tín	DH18CC			1,0	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789
10	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			1,0	4,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
11	18118164	Lê Minh Trung	DH18CC			1,0	1,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
12	18118166	Nguyễn Quốc Trung	DH18CC			0,8	1,7	4,5	7,0	0012345678910	0123456789
13	18118176	Tổng Văn Tuấn	DH18CC			1,0	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
14	18118178	Nguyễn Thanh Tùng	DH18CC			1,0	1,8	4,8	7,6	0012345678910	0123456789
15	18118180	Trần Văn Tuyên	DH18CC			1,0	1,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
16	18118183	Nguyễn Hồ Phú Vinh	DH18CC			1,0	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16235

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Công nghệ & thiết bị SX thức ăn chăn nuôi(208248) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH18CC_01 Tổ Thi 003_DH18CC_01 Tên CBGD Trần Văn Tuấn
Ngày Thi 10/02/2022 Giờ Thi 08:00 Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi/60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118185	Trần Phúc Vinh	DH18CC			0,9	1,5	1,5	6,9	0012345678910	0123456789
18	18118186	Hoàng Long Vũ	DH18CC			1,0	1,8	1,8	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 24 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Nghị

Nguyễn Thanh Trung

Tưởng Quang Tuấn

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 16246

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi

001_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK							0012345678910	0123456789
2	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			0	6	8	6,6	0012345678910	0123456789
3	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK							0012345678910	0123456789
4	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			7	7	7	7,0	0012345678910	0123456789
5	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			7	7	7	7,0	0012345678910	0123456789
6	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			0	7	7	6,3	0012345678910	0123456789
7	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			8	8	7	7,7	0012345678910	0123456789
8	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			5	7	6	6,2	0012345678910	0123456789
9	18118018	Nguyễn Võ Công Danh	DH18CK							0012345678910	0123456789
10	18118023	Nguyễn Tấn Diên	DH18CK			0	8	6	6,0	0012345678910	0123456789
11	18118026	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CK			6	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
12	18118028	Triệu Quốc Dũng	DH18CK			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
13	18118034	Nguyễn Đức Duy	DH18CK			6	8	7	7,2	0012345678910	0123456789
14	18118035	Thái Hoàng Duy	DH18CK			10	10	8	8,8	0012345678910	0123456789
15	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
16	18118044	Tổng An Hoài	DH18CK			7	10	7	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16246

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **001_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD105**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118045	Lê Quang Huy	DH18CK			5	7	7	6,8	0012345678910	0123456789
18	18118047	Nguyễn Khánh Huy	DH18CK			5	0	6	4,1	0012345678910	023456789
19	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			5	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
20	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			6	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
21	18118055	Lê Minh Khang	DH18CK			10	9	7	7,9	0012345678910	0123456789
22	18118060	Trần Bá Khoa	DH18CK			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
23	18118071	Huỳnh Quốc Long	DH18CK			6	10	6	7,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 2. Số sinh viên vắng 3.

Ngày 24 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Nghị
Phạm Duy Lam

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16247

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **002_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK			10	6	6	6,4	0012345678910	0123456789
2	17118059	Nguyễn Hoàng Yến	DH17CK			10	7	7	7,3	0012345678910	0123456789
3	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK			6	6	6	6,0	0012345678910	0123456789
4	18118068	Lê Quang Lộc	DH18CK			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
5	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			5	6	7	6,5	0012345678910	0123456789
6	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
7	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			5	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
8	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK			7	6	8	7,3	0012345678910	0123456789
9	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK			10	10	7	8,2	0012345678910	0123456789
10	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			8	6	7	6,8	0012345678910	0123456789
11	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
12	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			10	10	8	8,8	0012345678910	0123456789
13	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			5	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
14	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			6	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
15	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			2	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
16	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			6	10	7	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16247

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **002_DH18CK_01**

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			7	10	7	7,3	0012345678910	0123456789
18	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			5	7	6	6,2	0012345678910	0123456789
19	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			5	9	7	7,4	0012345678910	0123456789
20	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			7	9	7	7,6	0012345678910	0123456789
21	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng ...0.

Ngày 24 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam

Lê Văn Tuấn

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16248

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi

003_DH18CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118092	Lê Văn Sơn	DH17CK			7	6	6	6,1	0012345678910	0223456789
2	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			10	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
3	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			7	8	7	7,3	0012345678910	0123456789
4	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			8	9	7	7,7	0012345678910	0123456789
5	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			6	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
6	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			0	8	6	6,0	0012345678910	0123456789
7	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			5	7	6	6,2	0012345678910	0123456789
8	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			10	8	8	8,2	0012345678910	0123456789
9	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			6	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
10	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK							0012345678910	0123456789
11	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			6	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
12	18118167	Phạm Tấn Trung	DH18CK			6	7	6	6,3	0012345678910	0123456789
13	18118168	Cao Quang Trường	DH18CK			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
14	18118169	Nguyễn Xuân Trường	DH18CK			7	7	6	6,4	0012345678910	0123456789
15	18118172	Nguyễn Anh Tuấn	DH18CK			5	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
16	18118175	Nguyễn Văn Minh Tuấn	DH18CK			0	10	7	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16248

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cấu tạo truyền động máy kéo(207309)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_01**

Tổ Thi **003_DH18CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118179	Võ Thanh Tùng	DH18CK			5	9	6	6,8	0012345678910	0123456789
18	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK			5	8	6	6,5	0012345678910	0123456789
19	18118182	Ngô Văn Viêt	DH18CK			6	9	7	7,5	0012345678910	0123456789
20	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			6	8	6	6,6	0012345678910	0123456789
21	18118188	Phan Lý Kim Vũ	DH18CK			5	8	6	6,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22. Số sinh viên vắng 01...

Ngày 24 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Cường
Nguyễn Văn Lâm

Nguyễn Đức Khuyển

Nguyễn Thanh Nghị

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16249

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207327)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 10/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm ghi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118027	Nguyễn Cường	DH19CKC			2,5	8	6,45	5,85	0012345678910	0123456789
2	19118180	Huỳnh Hoàng Phúc	DH19CKC			3,5	8	5,28	5,5	0012345678910	0123456789
3	19118287	Nguyễn Quốc Bảo	DH19CKC			7,5	8	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
4	19118290	Nguyễn Tô Hoàng Đạt	DH19CKC			6,5	8	6,25	6,25	0012345678910	0123456789
5	19118295	Huỳnh Tấn HỌc	DH19CKC			7,5	8	5,20	6,5	0012345678910	0123456789
6	19118296	Đinh Đức Mạnh	DH19CKC			5,5	8	6,25	6,5	0012345678910	0123456789
7	19118297	Nguyễn Thành Nam	DH19CKC			5,5	8	7,10	6,9	0012345678910	0123456789
8	19118298	Nguyễn Tấn Nhã	DH19CKC			3,5	8	5,5	5,6	0012345678910	0123456789
9	19118302	Nguyễn Như Qui	DH19CKC			5,0	8	5,0	5,75	0012345678910	0123456789
10	19118303	Nguyễn Phan Đức Sâm	DH19CKC			6,5	8	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
11	19118304	Phan Sáng	DH19CKC			8,0	8	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
12	19118307	Nguyễn Tín Trọng	DH19CKC			7,0	8	5,0	6,25	0012345678910	0123456789
13	19118308	Bùi Trọng Trường	DH19CKC			3,5	8	6,7	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16249

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207327)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CKC_01

Tổ Thi 001_DH19CKC_01

Tên CBGD Nguyễn Hay

Ngày Thi 10/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13, Số sinh viên vắng ...

Ngày 20 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hay

Nguyễn Hay



Mã nhận dạng 16250

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nông nghiệp(207328)**

Số Tin Ch 4

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **15/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			6,5	0	6,0	4,3	0012345678910	0123456789
2	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			8,0	8,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
3	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			9,0	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
4	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			8,0	8,0	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
5	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			7,0	7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
6	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			8,0	7,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
7	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			9,0	7,0	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
8	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			8,0	8,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
9	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC			8,0	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
10	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			7,0	8,0	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
11	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			8,0	9,0	7,0	7,7	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			8,0	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			8,0	8,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			8,0	9,0	6,0	7,1	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			6,5	5,0	5,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16250

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Máy nông nghiệp(207328)** Số Tín Ch **4**
Nhóm Thi **DH18CKC_01** Tổ Thi **001_DH18CKC_01** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**
Ngày Thi **15/02/2022** Giờ Thi **08:00** Phòng Thi **RD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng ...

Ngày 24 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

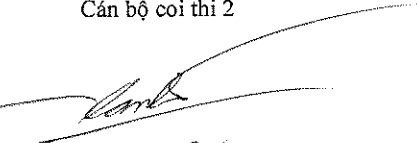
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Thanh Nghị


Nguyễn Văn Linh


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Thanh Nghị

Mã nhân dạng 16260

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001 DH19TD 01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD				9	2	4,1	0012345678910	023456789
2	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD				5	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
3	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
4	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD				8	4	5,2	0012345678910	0123456789
5	18138016	Nguyễn Long Ngọc Đình	DH18TD				5	5	5,0	0012345678910	0123456789
6	19138001	Võ Hoà An	DH19TD				8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
7	19138003	Nguyễn Thanh Ban	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
8	19138005	Lê Thái Hoàng An Cát	DH19TD				7	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
9	19138006	Lê Mạnh Cường	DH19TD				8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
10	19138007	Trần Mạnh Cường	DH19TD				7	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
11	19138009	Hà Lê Quang Đạt	DH19TD				8	0	2,4	0012345678910	0123456789
12	19138012	Huỳnh Minh Đoàn	DH19TD				8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
13	19138013	Võ Anh Đức	DH19TD				8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
14	19138015	Lê Đình Duy	DH19TD				8	4	5,2	0012345678910	0123456789
15	19138016	Nguyễn Thị Thuỷ Duyên	DH19TD				8	4	5,2	0012345678910	0123456789
16	19138017	Trần Chí Hải	DH19TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16260

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

001_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Vũ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138018	Lê Minh Hậu	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	012345689
18	19138019	Phạm Thị Hiền	DH19TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
19	19138020	Đinh Văn Hiền	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
20	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD				8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
21	19138023	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
22	19138024	Võ Ngọc Hội	DH19TD				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
23	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
24	19138027	Bùi Huỳnh Song	DH19TD				8	6,5	7,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoá

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 24/01/2022

Bùi Huỳnh Song

Nguyễn Vũ Ngọc Thạch
Ng - Vũ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16261

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

002_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
2	19138026	Nguyễn Viết Hưng	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
3	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD				7	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
4	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
5	19138034	Nguyễn Lê Hữu Khang	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
6	19138036	Lê Duy Khánh	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
7	19138037	Phạm PhúC Khiêm	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
8	19138038	Bùi Đăng Khoa	DH19TD				8	5	5,9	0012345678910	0123456789
9	19138039	Bùi Tuấn Khoa	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
10	19138040	Nguyễn Ngọc Khoa	DH19TD	Vắng						0012345678910	0123456789
11	19138041	Nguyễn Trung Kiên	DH19TD				5	5,5	5,4	0012345678910	0123456789
12	19138042	Nguyễn Cao KỲ	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
13	19138043	Lê Tiến Lợi	DH19TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
14	19138044	Đặng Thành Long	DH19TD				8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
15	19138045	Bùi Văn Hữu Luân	DH19TD				8	5	5,9	0012345678910	0123456789
16	19138046	Võ Văn Minh	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16261

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

002_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19138048	Nguyễn Cà Na	DH19TD				8	3	4,5	0012345678910	0123456789
18	19138050	Huỳnh Phạm Chánh	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
19	19138051	Nguyễn Trọng	DH19TD				8	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
20	19138052	Đặng Nghĩa	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
21	19138054	Đoàn Lê Quang	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789
22	19138055	Trần Đình	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
23	19138057	Trần Minh	DH19TD				8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
24	19138058	Phạm Nguyễn Anh	DH19TD				8	7	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 20 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 24/01/2022

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16262

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi

003_DH19TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD104

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18TD				9	9	9,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19138059	Nguyễn Thành	DH19TD				8	6	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	19138060	Nguyễn Bảo	DH19TD				8	7	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19138062	Nguyễn Quốc	DH19TD				8	4,5	5,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19138064	Vũ Đức	DH19TD				8	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19138065	Lê Đăng	DH19TD				8	6,5	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19138066	Mai Văn	DH19TD				8	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19138067	Võ Thiện	DH19TD				8	7	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19138068	Lê Bá Nam	DH19TD				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19138070	Nguyễn Chí	DH19TD				8	6	6,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19138071	Nguyễn Bá	DH19TD				8	7	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19138072	Trần Hoàng	DH19TD				8	9	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19138073	Đỗ Quang	DH19TD				8	4	5,2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19138074	Nguyễn Tuấn	DH19TD				8	8	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19138075	Trần Công	DH19TD				7	3,5	4,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16262

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 003_DH19TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD104

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15 Số sinh viên vắng 0..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ng. Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16263

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19TD_01

Tổ Thi 004_DH19TD_01

Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch

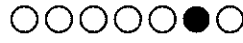
Ngày Thi 13/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD				7	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
2	18127061	Nguyễn Văn Tiến	DH18TD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
3	19130217	Ngô Tùng Thông	DH19TD				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
4	19138076	Hồ Thị Hà Thư	DH19TD				9	6,5	7,3	0012345678910	0123456789
5	19138077	Dương Văn Tiến	DH19TD				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
6	19138078	Nguyễn Văn Tiến	DH19TD	Võ Ngọc Thạch						0012345678910	0123456789
7	19138079	Cao Quốc Tĩnh	DH19TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
8	19138081	Nguyễn Minh Toàn	DH19TD	Võ Ngọc Thạch						0012345678910	0123456789
9	19138082	Quách Xuân Trà	DH19TD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
10	19138083	Nguyễn Thế Trân	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
11	19138084	Trần Anh Trí	DH19TD				8	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
12	19138087	Nguyễn Trọng Trung	DH19TD				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
13	19138088	Nguyễn Nhật Trường	DH19TD				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
14	19138089	Đặng Minh Tuấn	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789
15	19138091	Trương Thế Vinh	DH19TD				8	9	8,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16263

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở điều khiển tự động(207502) Số Tín Ch 3
Nhóm Thi DH19TD_01 Tổ Thi 004_DH19TD_01 Tên CBGD Nguyễn Võ Ngọc Thạch
Ngày Thi 13/02/2022 Giờ Thi 08:00 Phòng Thi RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 __%	Đ2 __%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 13 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của Bộ môn/Khoa Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 16264

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật đo lường, cảm biến(207503)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiến**

Ngày Thi **07/02/2022**

Giờ Thi **14:00**

Phòng Thi **PV337**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD							0012345678910	0123456789
2	13153223	Trần Hữu Thọ	DH13CD							0012345678910	0123456789
3	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD							0012345678910	0123456789
4	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD							0012345678910	0123456789
5	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
6	17153045	Nguyễn Thanh Nam	DH17CD							0012345678910	0123456789
7	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD							0012345678910	0123456789
8	17153072	Nguyễn Hoàng Toán	DH17CD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
9	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 02, Số sinh viên vắng 06

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Ngày in : 24/01/2022

TS. Nguyễn Đức Khuyển



Mã nhận dạng 14394

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật vi điều khiển(207505)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đăng Khoa**

Ngày Thi **14/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD105**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
2	18153003	Đinh Quốc Bảo	DH18CD			10	6.5	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
3	18153004	Nguyễn Ngọc Bảo	DH18CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
4	18153005	Phan Chí Bảo	DH18CD			8	6.5	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
5	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
6	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
7	18153015	Đỗ Trung Dương	DH18CD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789
8	18153016	Nguyễn Thái Dương	DH18CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
9	18153012	Trần Tấn Đạt	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
10	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
11	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
12	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
13	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD						Vắng	0012345678910	0123456789
14	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
15	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD						Vắng	0012345678910	0123456789
16	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			7	6	6	6.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 14394

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật vi điều khiển(207505)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đăng Khoa**

Ngày Thi **14/09/2021**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD105**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			10	6.5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
18	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			10	6.5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
19	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			10	6.5	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
20	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			10	8.5	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
21	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
22	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			10	7	7	7.3	0012345678910	0123456789
23	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
24	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789
25	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
26	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
27	18153050	Nguyễn Minh Nhật	DH18CD			10	6.5	6.5	6.7	0012345678910	0123456789
28	18153051	Trần Minh Nhật	DH18CD			8	9	9	8.9	0012345678910	0123456789
29	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			10	6.5	6.5	6.9	0012345678910	0123456789
30	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
31	18153067	Trần Hải Thành	DH18CD			10	7.5	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
32	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD			10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 14394

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật vi điều khiển(207505)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi

001_DH18CD_01

Tên CBGD

Nguyễn Đăng Khoa

Ngày Thi **14/09/2021**

Giờ Thi

08:00

Phòng Thi

RD105

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			10	9.5	9.5	9.6	0012345678910	0123456789
34	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			8	6	6	5.9	0012345678910	0123456789
35	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			10	6.5	6.5	6.4	0012345678910	0123456789
36	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD			8	6	6	6.2	0012345678910	0123456789
37	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD			10	6	6	6.4	0012345678910	0123456789
38	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789
39	18153086	Nguyễn Việt Ý	DH18CD			10	9	9	9.1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

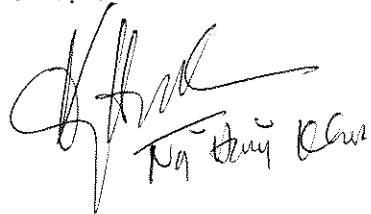
Cán bộ coi thi 1

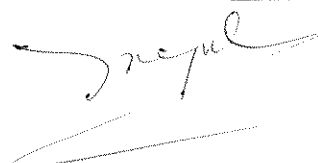
Cán bộ coi thi 2

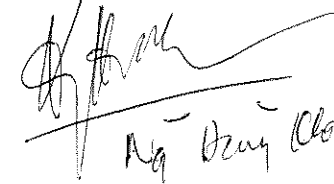
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Đăng Khoa


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Nguyễn Đăng Khoa

Ngày in : 09/11/2021



Mã nhận dạng 16265

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật vi điều khiển(207505)**

Số Tín Ch **3**

Nhóm Thi **DH18CD_01**

Tổ Thi **001_DH18CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đăng Khoa**

Ngày Thi **19/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm t/đ	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153013	Nguyễn Văn Dư	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
2	18153022	Nguyễn Văn Minh	DH18CD						5.5	0012345678910	0123456789
3	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
4	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789
5	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD						5.5	0012345678910	0123456789
6	18153062	Nguyễn Ngọc Quynh	DH18CD			10	5	5	5.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

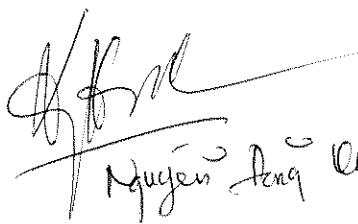
Cán bộ coi thi 1

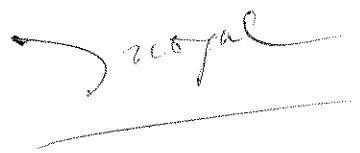
Cán bộ coi thi 2

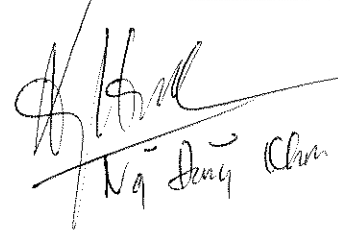
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Đăng Khoa


TS. Nguyễn Đức Khuyển


Nguyễn Đăng Khoa



Mã nhận dạng 00456

Trang 1/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
3	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD							0012345678910	0123456789
4	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
5	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
7	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD							0012345678910	0123456789
8	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
9	17138016	Hồ Hiền	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
10	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
11	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
12	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
13	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
14	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
15	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD							0012345678910	0123456789
16	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00456

Trang 2/2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Hệ thống điều khiển linh hoạt (207507) - 01

CBGD: Lê Quang Hiền (795)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
18	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
19	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
20	17138039	Lê Quang Phiếu	DH17TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
21	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
22	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
23	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
24	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
25	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
26	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
27	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
28	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789
29	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD							0012345678910	0123456789
30	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD					10,0	10,0	0012345678910	0123456789
31	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD					9,0	9,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 04

Hiện diện: 27

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Lê Quang Hiền

Ngày in : 17/05/2021 09:54



Mã nhận dạng 00457

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Mô phỏng và mô hình hệ thống (207509) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			8	8,5	6	7,0	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí	DH18CKC			8	8,5	6	7,0	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu	DH18CKC			8	8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			8	8,5	6	7,0	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			8	8,5	6	7,0	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			8	8,5	7	7,6	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			8	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải	DH18CKC			8	8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			8	8	7	7,4	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			8	8	6	6,8	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đăng Quỳnh Trâm	DH18CKC			8	8	8	8,0	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 15

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 17/05/2021 09:54

[Signature]
[Signature]
Nguyễn Văn Ngọc Bích



Mã nhận dạng 16266

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **001_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD304**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14153004	Nguyễn Thanh Huy Bảo	DH14CD			7,5		3,0	4,6	0012345678910	0123456789
2	17138005	Mai Hùng	DH17TD			7,5		5,5	6,1	0012345678910	0123456789
3	17138009	Huỳnh Minh	DH17TD			8,0		7,5	7,7	0012345678910	0123456789
4	17153014	Bùi Phú	DH17CD			8,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
5	18138002	Vũ Hoài	DH18TD			6,0		6,0	6,0	0012345678910	0123456789
6	18138003	Nguyễn Tuấn	DH18TD			4,0		3,0	3,3	0012345678910	0123456789
7	18138004	Phan Cao	DH18TD			5,0		5,5	5,4	0012345678910	0123456789
8	18138006	Đặng Văn	DH18TD			7,0		5,0	5,6	0012345678910	0123456789
9	18138007	Hồ Quang	DH18TD			6,5		4,5	5,1	0012345678910	0123456789
10	18138009	Lê Hữu	DH18TD			5,0		5,0	5,0	0012345678910	0123456789
11	18138012	Huỳnh Phước	DH18TD			5,0		4,0	4,3	0012345678910	0123456789
12	18138013	Trần Quang	DH18TD			7,0		7,5	7,4	0012345678910	0123456789
13	18138015	Nguyễn Công	DH18TD			7,5		6,5	6,8	0012345678910	0123456789
14	18138016	Nguyễn Long Ngọc	DH18TD			9,0		4,5	3,2	0012345678910	0123456789
15	18138019	Lê Tấn	DH18TD			6,0		5,0	5,3	0012345678910	0123456789
16	18138020	Đỗ Quốc	DH18TD			8,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16266

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 001_DH18TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			8,5	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
18	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			7,0	0,0	2,1	0012345678910	0123456789
19	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			7,0	5,0	5,6	0012345678910	0123456789
20	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			6,5	5,0	5,5	0012345678910	0123456789
21	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			6,5	4,5	3,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16267

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **002_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

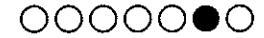
Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			9,0		7,5	8,0	0012345678910	0123456789
2	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			8,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
3	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			5,0		6,5	6,1	0012345678910	0123456789
4	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			5,5		4,0	4,5	0012345678910	0123456789
5	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			5,5		4,0	4,5	0012345678910	0123456789
6	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			8,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
7	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			6,5		4,0	4,8	0012345678910	0123456789
8	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			6,5		9,0	8,3	0012345678910	0123456789
9	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			8,0		5,0	5,9	0012345678910	0123456789
10	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			7,0		5,0	5,6	0012345678910	0123456789
11	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			8,0		4,5	5,6	0012345678910	0123456789
12	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			6,0		6,0	6,0	0012345678910	0123456789
13	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			7,0		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
14	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			5,0		3,0	3,6	0012345678910	0123456789
15	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD			7,0		4,0	4,9	0012345678910	0123456789
16	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD			8,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16267

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi PLC & ứng dụng(207516)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH18TD_01

Tổ Thi 002_DH18TD_01

Tên CBGD Lê Quang Hiền

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi 08:00

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			6,0		3,5	4,3	0012345678910	0123456789
18	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			7,0		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
19	18138049	Nguyễn Thị Mỹ	DH18TD			3,0		5,0	5,0	0012345678910	0123456789
20	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			5,0		3,0	3,6	0012345678910	0123456789
21	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			8,0		4,0	4,9	0012345678910	0123456789
22	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			7,0		3,0	4,2	0012345678910	0123456789
23	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			9,0		9,0	9,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22. Số sinh viên vắng 0,0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Ngọc Thạch Nguyễn Văn Tuấn Anh

Lê Quang Hiền

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16268

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **003_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

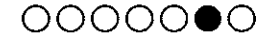
Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD104**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thí	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			8,0		8,0	8,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17153047	Nguyễn Trung Nghĩa	DH17CD							○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	17153049	Hoàng Đình Nhân	DH17CD							○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			6,0		5,5	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			6,0		7,0	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			5,0		3,5	4,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			8,0		9,0	8,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			7,0		5,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	18138062	Trần Phát	DH18TD			8,0		8,0	8,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			8,0		3,0	4,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			6,0		6,0	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			7,0		5,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			6,5		6,5	6,5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			5,0		6,0	5,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD			8,0		7,0	7,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			7,0		5,5	6,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 16268

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **003_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD104**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			8,5	4,0	7,0	5,4	0012345678910	0123456789
18	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			6,0	4,0	4,0	4,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi **16** Số sinh viên vắng **02**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16269

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **004_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			4,0		5,0	4,7	0012345678910	0123456789
2	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD			8,0		8,5	8,4	0012345678910	0123456789
3	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD			8,0		7,0	7,3	0012345678910	0123456789
4	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			7,0		5,0	5,6	0012345678910	0123456789
5	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			8,0		4,5	5,6	0012345678910	0123456789
6	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			8,0		8,0	8,0	0012345678910	0123456789
7	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			8,0		9,5	9,1	0012345678910	0123456789
8	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			7,0		6,5	6,7	0012345678910	0123456789
9	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			6,5		8,0	7,6	0012345678910	0123456789
10	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			7,5		6,0	6,5	0012345678910	0123456789
11	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			7,5		7,0	7,2	0012345678910	0123456789
12	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD			7,0		6,0	6,3	0012345678910	0123456789
13	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD			5,0		7,5	6,8	0012345678910	0123456789
14	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD			7,0		5,5	6,0	0012345678910	0123456789
15	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD							0012345678910	0123456789
16	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD			7,5		4,5	5,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16269

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **PLC & ứng dụng(207516)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **004_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **08:00**

Phòng Thi **RD202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm Thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD			8,5		5,5	6,4	0012345678910	0123456789
18	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD			5,5		4,5	4,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 7 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Đăng Khoa

Nguyễn Văn Phúc

Lê Quang Hiền

TS. Nguyễn Đức Khuyển



Mã nhận dạng 16270

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTD quá trình(207527)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Ngày Thi **15/02/2022**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
2	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD							0012345678910	0123456789
3	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
4	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
5	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
6	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
7	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
9	17138016	Hồ Hiền	DH17TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
10	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
11	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789
12	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
13	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16270

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTĐ quá trình(207527)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17TD_01** Tổ Thi **001_DH17TD_01** Tên CBGD **Lê Quang Hiền**
Ngày Thi **15/02/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 12 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Lê Quang Hiền *Nguyễn Đức Khoa*

[Signature]

[Signature]
Lê Quang Hiền

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 16271

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTĐ quá trình(207527)**

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **002_DH17TD_01**

Ngày Thi **15/02/2022**

Giờ Thi **07:30**

Số Tín Ch **3**

Tên CBGD **Lê Quang Hiền**

Phòng Thi **RD105**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138054	Trang Minh Sáng	DH15TD					6,5	6,5	0012345678910	0123456789
2	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
3	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
4	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
5	17138039	Lê Quang PHiểu	DH17TD					4,0	4,0	0012345678910	0123456789
6	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
7	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD					5,5	5,5	0012345678910	0123456789
8	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
10	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD					8,0	8,0	0012345678910	0123456789
11	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD					7,0	7,0	0012345678910	0123456789
12	17138056	Nguyễn Nhựt Tiến	DH17TD					4,5	4,5	0012345678910	0123456789
13	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD					5,0	5,0	0012345678910	0123456789
14	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD					6,0	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16271

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Kỹ thuật ĐKTD quá trình(207527)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17TD_01** Tổ Thi **002_DH17TD_01** Tên CBGD **Lê Quang Hiền**
Ngày Thi **15/02/2022** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **RD105**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 14 Số sinh viên vắng 01

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến